
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 8
5. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	9
6. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10 - 11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 14
8. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	15
9. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	16 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được sở hữu bởi Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 62.998.000
- Fax : (84-28) 62.994.233

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Seo Tae Young	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Chung Whan	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Jeong Donyeong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Han Bok Hee	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát và kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Im Hyuk	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2017
Bà Phạm Thị Dương Huyền	Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2017
	Giám đốc khối văn phòng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kwon Hyuk Jun - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



Số: 1.0600/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

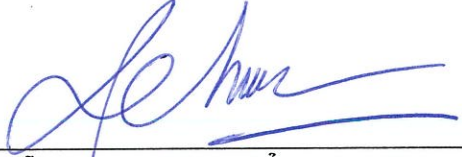
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1


Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		708.539.030.440	760.330.727.757
I. Tài sản tài chính	110		706.291.052.725	759.123.757.674
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	15.730.581.116	168.136.490.180
1.1 Tiền	111.1		15.730.581.116	1.136.490.180
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		-	167.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	VI.3a	681.005.783.300	586.504.875.450
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114		-	-
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		9.126.235.637	2.643.129.176
7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		9.126.235.637	2.643.129.176
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	117.3.1		-	-
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	VI.4	9.126.235.637	2.643.129.176
8. Trả trước cho người bán	118	VI.5	99.509.375	1.494.095.001
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.6	328.943.297	331.489.615
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122		-	13.678.252
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2.247.977.715	1.206.970.083
1. Tạm ứng	131		1.079.664.543	145.920.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.7a	1.089.288.484	746.053.970
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		79.024.688	314.996.113
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.248.718.075	27.015.062.616
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		230.280.109.589	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		230.280.109.589	-
2.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	VI.3b	230.280.109.589	-
2.2.	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4.	Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		22.726.659.106	26.205.973.828
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	13.345.017.478	15.260.288.148
-	Nguyên giá	222		24.985.453.949	24.375.875.509
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.640.436.471)	(9.115.587.361)
-	Đánh giá tài sản cố định hữu hình theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	Nguyên giá	225		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
-	Đánh giá tài sản cố định thuê tài chính theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	9.381.641.628	10.945.685.680
-	Nguyên giá	228		14.541.775.600	14.496.285.600
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.160.133.972)	(3.550.599.920)
-	Đánh giá tài sản cố định vô hình theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
-	Đánh giá bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250		1.241.949.380	809.088.788
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.10	531.780.000	531.780.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.7b	431.228.000	12.800.569
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.11	278.941.380	264.508.219
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
6.	Lợi thế thương mại	256		-	-
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		962.787.748.515	787.345.790.373

5-C
 Y
 DU HU
 (U VI
 6
 0CH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		123.669.719.667	754.645.609
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		123.669.719.667	754.645.609
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		119.000.000.000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312	VI.12	119.000.000.000	-
1.2. Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay quỹ hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		11.933.354	8.099.440
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.13	4.355.561.948	338.862.538
11. Phải trả người lao động	323		-	226.435.000
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.14	284.269.330	163.293.596
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		17.955.035	17.955.035
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		-	-
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		839.118.028.848	786.591.144.764
I. Vốn chủ sở hữu	410		839.118.028.848	786.591.144.764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		812.600.000.000	812.600.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		812.600.000.000	812.600.000.000
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		743.856.969	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		743.856.969	-
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		25.030.314.910	(26.008.855.236)
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		25.024.632.976	(26.010.301.628)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		5.681.934	1.446.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		962.787.748.515	787.345.790.373

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		1.717,87	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	008		244	195
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của công ty chứng khoán	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của công ty chứng khoán	013		-	-
14. Chứng quyền	014		100	-
B - TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	021	VII.1	137.885.330.000	95.251.830.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		137.885.330.000	95.220.330.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	31.500.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
g. Tài sản ký quỹ của Nhà đầu tư	021.7		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022		1.080.000	10.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.080.000	10.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	023		11.900.000	525.600.000
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của nhà đầu tư	024.a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	025		-	-
7. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.2	428.603.543	526.334.613
7.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		346.538.543	255.490.413
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	027.1		-	-
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		32.295.000	-
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		49.770.000	270.844.200
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước	029.1		-	59.517.000
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài	029.2		49.770.000	211.327.200
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	VII.3	424.367.503	522.100.273
8.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		23.124.353	91.654.389
8.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		401.243.150	430.445.884
9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12. Phải trả cơ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	VII.3	4.236.040	4.234.340



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		40.393.018.965	5.299.292.219
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		455.354.000	91.404
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		907.850	1.754.096
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.1	39.936.757.115	5.297.446.719
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4		-	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		9.184.794.521	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	VIII.2	7.684.338.770	168.251.032
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		335.000.000	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		19.241.481.802	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		52.040.000	31.200.072
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.3	11.959.658.138	3.277.157.975
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		14.433.161	27.175.423
Cộng doanh thu hoạt động	20		88.864.765.357	8.803.076.721
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		500.000	-
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VIII.4	11.059.431.519	6.996.050.226
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		57.422.654	39.925.607
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VIII.5	8.182.360.116	2.118.093.469
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	71.500
Cộng chi phí hoạt động	40		19.299.714.289	9.154.140.802
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		51.406.904	205.780
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		63.455.250	6.439.463
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		114.862.154	6.645.243
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		65.053.263	109.643.068
4.2. Chi phí lãi vay	52		467.950.013	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
4.6. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	56		-	-
Cộng chi phí tài chính	60		533.003.276	109.643.068
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.6	12.900.744.209	14.041.994.455
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		56.246.165.737	(14.496.056.361)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		3.281	1.002.373
8.2. Chi phí khác	72		88	220.216.337
Cộng kết quả hoạt động khác	80		3.193	(219.213.964)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		56.246.168.930	(14.715.270.325)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		56.241.933.388	(14.716.747.717)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		4.235.542	1.477.392
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		3.719.284.846	-
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.13	3.719.284.846	-
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		52.526.884.084	(14.715.270.325)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300		-	-
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		52.526.884.084	(14.715.270.325)



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		56.246.168.930	(14.715.270.325)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(4.523.902.462)	1.151.125.615
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.8, 9	4.134.383.162	3.794.254.791
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		467.950.013	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08	VI.4	(9.126.235.637)	(2.643.129.176)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	220.215.926
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, bất động sản đầu tư	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	220.215.926
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(907.850)	(2.754.096)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(907.850)	(1.754.096)
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	(1.000.000)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(322.472.199.242)	(487.287.491.326)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(94.500.000.000)	(485.864.767.704)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		(230.280.109.589)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		2.643.129.176	2.761.801.457
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		2.546.318	(331.489.615)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	38		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(754.909)	(235.001)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		696.812.508	(1.541.456.785)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		5.962.035	(93.948.617)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(761.661.945)	(538.825.923)
- (-) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		-	-
- (-) Lãi vay đã trả	44		(352.936.314)	-
- Tăng (giảm) phải trả người bán	45		-	(1.740.400.000)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(13.002.800)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		297.414.564	20.806.833
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(226.435.000)	37.714.688
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	49		-	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		3.833.914	16.312.141
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(270.750.840.624)	(500.634.174.206)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	VI.8, 9	(655.068.440)	(3.689.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62		-	1.000.000
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<u><i>(655.068.440)</i></u>	<u><i>(3.688.400.000)</i></u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	666.600.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		382.000.000.000	-
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	73.2	VI.12	382.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(263.000.000.000)	-
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3	VI.12	(263.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<u><i>119.000.000.000</i></u>	<u><i>666.600.000.000</i></u>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm				
	90		(152.405.909.064)	162.277.425.794
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
- Tiền	101	VI.1	168.136.490.180	5.859.064.386
- Các khoản tương đương tiền	101.1		1.136.490.180	1.859.064.386
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	101.2		167.000.000.000	4.000.000.000
	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
- Tiền	103	VI.1	15.730.581.116	168.136.490.180
- Các khoản tương đương tiền	103.1		15.730.581.116	1.136.490.180
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	103.2		-	167.000.000.000
	104		-	-



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		22.763.436.900	12.900.535.600
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(49.159.279.000)	(19.839.464.500)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		26.298.111.030	7.057.667.050
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	07.1		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
15. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(97.731.070)	118.738.150
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.2	526.334.613	407.596.463
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		526.334.613	407.596.463
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32		255.490.413	403.768.463
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		270.844.200	3.828.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	VII.2	428.603.543	526.334.613
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		428.603.543	526.334.613
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42		346.538.543	255.490.413
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		32.295.000	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		49.770.000	270.844.200
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số đầu năm		Thay đổi trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
		2017		2018				
		Ngày 01/01/2017	Ngày 01/01/2018	Tăng	Giảm	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018	
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		146.000.000.000	812.600.000.000	666.600.000.000	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000
1.1. Vốn pháp định		135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		11.000.000.000	677.600.000.000	666.600.000.000	-	-	677.600.000.000	677.600.000.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn		-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	V.13	-	-	743.856.969	-	-	743.856.969	743.856.969
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	V.13	-	-	743.856.969	-	-	743.856.969	743.856.969
5. Chiênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-
6. Chiênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(11.293.584.911)	(26.008.855.236)	14.715.270.325	14.715.270.325	1.487.713.938	(26.008.855.236)	25.030.314.910
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(11.293.584.911)	(26.010.301.628)	14.715.270.325	14.715.270.325	1.487.713.938	(26.008.855.236)	25.024.632.976
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	1.446.392	-	-	4.235.542	-	5.681.934
Cộng		134.706.415.089	786.591.144.764	666.600.000.000	14.715.270.325	54.014.598.022	1.487.713.938	839.118.028.848

II. Thu nhập toàn diện khác

- Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài
- Lãi, lỗ toàn diện khác

Cộng

S.G.P. 1.23 - C.T.T. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Nhật Linh
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được sở hữu bởi Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

2. Địa chỉ liên hệ

Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 08 tháng 3 năm 2017, đã chỉnh sửa lần thứ nhất ngày 06 tháng 11 năm 2018.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 812.600.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 839.118.028.848 VND, tổng tài sản là 962.787.748.515 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng; hưởng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng; tiến đến vị trí top 5 công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh tốt nhất vào năm 2020; đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư; xây dựng nguồn nhân lực thông minh, hiệu quả và chuyên nghiệp; quản trị tài chính hợp lý nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Hạn chế đầu tư:
 - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
 - Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:
Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 26 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

98
T
H
A
T
C
H
C

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

5. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc,

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và,
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

6. Phân loại lại tài sản tài chính –

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo trì phần mềm, hệ thống. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng bảo trì.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, chi phí thiết kế và duy trì website.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

Chi phí thiết kế website

Chi phí thiết kế website bao gồm giá mua và chi phí đăng ký. Chi phí thiết kế và duy trì website được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Điều lệ của Công ty:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và:
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc,
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào trái phiếu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào trái phiếu thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại trái phiếu của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	<i>681.005.783.300</i>	<i>586.504.875.450</i>
<i>Tài sản tài chính khác</i>	<i>240.267.068.523</i>	<i>3.520.077.043</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	9.126.235.637	2.643.129.176
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	328.943.297	331.489.615
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	230.280.109.589	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	531.780.000	531.780.000
Các khoản phải thu khác	-	13.678.252
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>15.730.581.116</i>	<i>168.136.490.180</i>
Cộng	<u>937.003.432.939</u>	<u>758.161.442.673</u>

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	51.520.500	519.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	15.679.060.616	1.135.971.180
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	167.000.000.000
Cộng	<u>15.730.581.116</u>	<u>168.136.490.180</u>

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
<i>Của Công ty</i>	<i>810</i>	<i>230.353.405.589</i>
Cổ phiếu	480	73.296.000
Trái phiếu	230	230.280.109.589
Chứng khoán khác	100	-
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>1.919.594</i>	<i>71.849.419.900</i>
Cổ phiếu	1.874.954	71.117.929.800
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	44.640	731.490.100
Cộng	<u>1.920.404</u>	<u>302.202.825.489</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	200.000.000.000	200.000.000.000	366.500.000.000	366.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	85.000.000.000	85.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	227.000.000.000	227.000.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	69.000.000.000	69.000.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	5.783.300	3.429.058	4.875.450
Cộng	681.003.429.058	681.005.783.300	586.503.429.058	586.504.875.450

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với giá trị 200.000.000.000 VND và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với giá trị là 77.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.12).

3b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu kỳ hạn 5 năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động	30.280.109.589	-
Trái phiếu kỳ hạn 2 năm của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	100.000.000.000	-
Trái phiếu kỳ hạn 3 năm của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	100.000.000.000	-
Cộng	230.280.109.589	-

4. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (là bên liên quan)	75.616.438	1.578.573.611
Phải thu các khách hàng khác	9.050.619.199	1.064.555.565
Cộng	9.126.235.637	2.643.129.176

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAMĐịa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS)	-	910.679.178
Công ty TNHH Công nghệ thông tin Tín Quân	-	476.300.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Lotte-HTP Việt Nam	99.509.375	-
Các nhà cung cấp khác	-	107.115.823
Cộng	<u>99.509.375</u>	<u>1.494.095.001</u>

6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động	326.104.947	328.580.358
Phải thu phí dịch vụ khác	2.838.350	2.909.257
Cộng	<u>328.943.297</u>	<u>331.489.615</u>

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	925.839.759	664.913.062
Phí thuê bao dữ liệu qua phần mềm FiinPro Platform	32.400.000	32.400.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	131.048.725	48.740.908
Cộng	<u>1.089.288.484</u>	<u>746.053.970</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí phần mềm	223.128.337	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	208.099.663	12.800.569
Cộng	<u>431.228.000</u>	<u>12.800.569</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.289.081.100	13.348.726.992	9.738.067.417	24.375.875.509
Mua sắm mới	-	-	609.578.440	609.578.440
Số cuối năm	<u>1.289.081.100</u>	<u>13.348.726.992</u>	<u>10.347.645.857</u>	<u>24.985.453.949</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	3.788.205.107	3.788.205.107
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAMĐịa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	902.356.776	2.974.630.086	5.238.600.497	9.115.587.361
Khấu hao trong năm	128.908.116	1.648.731.252	747.209.742	2.524.849.110
Số cuối năm	1.031.264.892	4.623.361.338	5.985.810.239	11.640.436.471
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	386.724.324	10.374.096.906	4.499.466.920	15.260.288.148
Số cuối năm	257.816.208	8.725.365.654	4.361.835.618	13.345.017.478

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế website	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Mua sắm mới	-	45.490.000	-	45.490.000
Số cuối năm	314.420.000	14.143.155.600	84.200.000	14.541.775.600
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.233.936.000	84.200.000	1.318.136.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	3.466.399.920	84.200.000	3.550.599.920
Khấu hao trong năm	-	1.609.534.052	-	1.609.534.052
Số cuối năm	-	5.075.933.972	84.200.000	5.160.133.972
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314.420.000	10.631.265.680	-	10.945.685.680
Số cuối năm	314.420.000	9.067.221.628	-	9.381.641.628

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	516.780.000	516.780.000
Ký quỹ taxi Mai Linh	15.000.000	15.000.000
Cộng	531.780.000	531.780.000

11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	264.508.219	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	144.508.219
Tiền lãi bổ sung	14.433.161	-
Số cuối năm	<u>278.941.380</u>	<u>264.508.219</u>

12. Vay ngắn hạn

	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số vay trong năm</u>	<u>Số trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vay để mua chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh, kỳ hạn 3 tháng)	6,5%	-	45.000.000.000	(45.000.000.000)	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vay để mua trái phiếu của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, kỳ hạn 3 tháng)	6,0%	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vay để mua chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kỳ hạn 1 tháng) ⁽ⁱ⁾	5,5%	-	69.000.000.000	-	69.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (vay thấu chi để mua chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh, kỳ hạn 3 tháng)	7,3%	-	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (vay thấu chi để mua chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam), kỳ hạn 1 tháng) ⁽ⁱⁱ⁾	6,7%	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vay để mua chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam, kỳ hạn 1 tháng)	6,5%	-	150.000.000.000	(150.000.000.000)	-
Cộng		-	<u>382.000.000.000</u>	<u>(263.000.000.000)</u>	<u>119.000.000.000</u>

(i) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 130-001-711209 ngày 28 tháng 12 năm 2018, hạn mức 69.000.000.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi tiết kiệm số 703-001694088 có giá trị 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số VI.3a).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng thấu chi số 04/2018/1981984/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2018, hạn mức 50.000.000.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 427/2018/HĐTG-ĐCTC ngày 24 tháng 12 năm 2018 có giá trị 32.000.000.000 VND và Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 389/2018/HĐTG-ĐCTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 có giá trị 45.000.000.000 VND (xem thuyết minh số VI.3a).

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	166.861.306	(166.861.306)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.719.284.846	-	3.719.284.846
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	328.684.650	1.897.447.711	(1.607.000.115)	619.132.246
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	5.299.339	22.726.654	(23.887.577)	4.138.416
Thuế nhà thầu	4.878.549	321.927.973	(313.800.082)	13.006.440
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	338.862.538	6.131.248.490	(2.114.549.080)	4.355.561.948

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.246.168.930	(14.715.270.325)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (các khoản chi phí không được trừ)	321.537.467	264.471.243
Thu nhập chịu thuế	56.567.706.397	(14.450.799.082)
Cổ tức được chia	(139.500)	(360.819)
Lỗi các năm trước được chuyển	(37.971.142.667)	-
Thu nhập tính thuế	18.596.424.230	(14.451.159.901)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.719.284.846	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	115.013.699	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	169.255.631	163.293.596
Cộng	<u>284.269.330</u>	<u>163.293.596</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	137.885.330.000	95.220.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	31.500.000
Cộng	<u>137.885.330.000</u>	<u>95.251.830.000</u>

2. Tiền gửi của nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>346.538.543</i>	<i>255.490.413</i>
Của nhà đầu tư trong nước	27.360.393	36.371.729
Của nhà đầu tư nước ngoài	319.178.150	219.118.684
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>32.295.000</i>	-
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>49.770.000</i>	<i>270.844.200</i>
Của nhà đầu tư trong nước	-	59.517.000
Của nhà đầu tư nước ngoài	49.770.000	211.327.200
Cộng	<u>428.603.543</u>	<u>526.334.613</u>

3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>424.367.503</i>	<i>522.100.273</i>
Của nhà đầu tư trong nước	23.124.353	91.654.389
Của nhà đầu tư nước ngoài	401.243.150	430.445.884
<i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>	<i>4.236.040</i>	<i>4.234.340</i>
Cộng	<u>428.603.543</u>	<u>526.334.613</u>



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****1. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức	139.500	50.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi	39.936.617.615	5.297.396.719
Cộng	<u>39.936.757.115</u>	<u>5.297.446.719</u>

2. Doanh thu môi giới chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	3.234.338.770	168.251.032
Doanh thu đại lý môi giới trái phiếu	4.450.000.000	-
Cộng	<u>7.684.338.770</u>	<u>168.251.032</u>

3. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu phí tư vấn tìm đối tác tìm năng cho khách hàng	2.371.942.365	2.061.363.636
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	1.228.001.446	1.175.649.951
Thu phí dịch vụ tư vấn, giám sát hoạt động liên quan đến thỏa thuận cấp tín dụng của khách hàng	4.186.211.168	-
Thu phí dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	651.090.909	-
Thu phí dịch vụ tư vấn hoạt động thu xếp tín dụng	3.521.412.250	-
Doanh thu khác	1.000.000	40.144.388
Cộng	<u>11.959.658.138</u>	<u>3.277.157.975</u>

4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí giao dịch chứng khoán	860.218.775	554.972.091
Chi phí khấu hao	3.171.123.975	2.852.624.187
Chi phí nhân viên	776.495.061	784.423.227
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>636.318.636</i>	<i>654.102.727</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i>	<i>140.176.425</i>	<i>130.320.500</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.493.041.442	2.368.769.892
Chi phí khác	758.552.266	435.260.829
Cộng	<u>11.059.431.519</u>	<u>6.996.050.226</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên tư vấn	3.862.416.645	1.100.243.098
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>3.476.309.680</i>	<i>958.806.589</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i>	<i>386.106.965</i>	<i>141.436.509</i>
Công cụ, dụng cụ	13.658.785	22.922.472
Chi phí vật tư văn phòng	4.018.529	5.885.700
Chi phí tư vấn dịch vụ pháp lý	3.241.981.454	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.647.566	683.350.186
Chi phí khác	560.637.137	305.692.013
Cộng	<u>8.182.360.116</u>	<u>2.118.093.469</u>

6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.409.160.228	9.264.180.946
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>7.828.509.203</i>	<i>8.799.504.846</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn</i>	<i>580.651.025</i>	<i>464.676.100</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ và vật tư văn phòng phẩm	99.276.132	108.802.050
Thuế, phí và lệ phí	4.569.192	24.431.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	963.259.187	941.630.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.270.136.355	2.588.922.536
Các chi phí khác	1.154.343.115	1.114.027.271
Cộng	<u>12.900.744.209</u>	<u>14.041.994.455</u>

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu
Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng với tổng số tiền là 4.771.403.223 VND (năm trước là 3.983.681.283 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan khác

Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)		
Chi phí môi giới	3.097.740.640	97.078.080
Góp vốn	-	666.600.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Thu lãi tiền gửi	18.097.289.531	3.812.854.771
Chi phí dịch vụ	1.240.000	970.000
Vay tiền	127.000.000.000	-
Trả tiền vay	58.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	182.630.137	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)		
Phải trả ngắn hạn khác	17.955.035	17.955.035
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Tiền gửi không kỳ hạn	14.977.986.888	1.109.339.965
Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000.000	533.500.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	75.616.438	1.578.573.611
Vay tiền	69.000.000.000	-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.639.440.000	1.246.070.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.595.780.000	-
Cộng	4.235.220.000	1.246.070.000

Công ty thuê 264 m² tại Phòng 2201, lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 3 năm, hết hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2021, giá thuê 517.500 VND/m²/tháng.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

